

Quảng Bình, ngày tháng 05 năm 2019

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: TIẾNG TRUNG III

(Tên tiếng Anh: CHINESE III)

- Mã số học phần: TTTRUG.003

- Số tín chỉ: 02

Số giờ tín chỉ: 30 (trong đó: lý thuyết: 12, bài tập: 18)

- Ngành học: Ngôn ngữ Anh

- Loại học phần: Bắt buộc

- Bộ môn phụ trách: Tiếng Trung

Giảng viên phụ trách chính: ThS. Lại Thị Mỹ Hương

2. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành học phần Tiếng Trung 1,2.

3. Mục tiêu của học phần:

+ Về kiến thức

Sau khi hoàn thành học phần tiếng trung 3, sinh viên nắm được khoảng 600-700 từ vựng tiếng Hán, có thể vận dụng các từ trọng điểm và các cấu trúc câu đã học để tạo các câu đơn giản, có thể thuật lại nội dung bài khóa, đồng thời có thể sáng tạo được các tình huống giao tiếp đơn giản dựa trên nội dung bài khóa đã học. Từ đó sinh viên có thể tự tin trong các tình huống giao tiếp tiếng Trung.

+ Về kỹ năng

Sinh viên tiếp tục được rèn luyện phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Đặc biệt học phần Tiếng Trung 3 kỹ năng viết đoạn văn ngắn trình bày quan điểm của bản thân về một vấn đề cũng được phát huy tối đa nhằm nâng cao năng lực giao tiếp căn bản cho sinh viên.

+ Về thái độ

Học phần rèn luyện cho sinh viên ý thức kỷ luật tốt, thái độ học tập đúng đắn; tính nghiêm túc trong công việc; khả năng tự nghiên cứu; biết hợp tác hỗ trợ lẫn nhau trong các hoạt động theo cặp, nhóm.

4. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
	Về kiến thức
CDR1	Người học nắm được cách sử dụng của một số phó từ trọng điểm: 又、才、就， từ đó có thể vận dụng các phó từ để đặt câu đơn giản.
CDR2	Người học phân biệt được cách sử dụng của các trợ động từ “能”、“会”、“要”、“可以”
CDR3	Người học nắm được cách diễn đạt một khoảng thời gian và nắm được cách sử dụng của bổ ngữ chỉ thời lượng.
CDR4	Người học có thể bày tỏ quan điểm của mình về một số chủ đề trong cuộc sống hàng ngày như: vấn đề đi làm thêm của sinh viên, sắp xếp thời gian biểu phù hợp mỗi ngày cho bản thân...
CDR5	Người học sử dụng thành thạo cấu trúc ngữ pháp: câu có hai tân ngữ, câu vị ngữ là một cụm chủ vị
CDR6	Người học sử dụng thành thạo và phân biệt được cách dùng của hai đại từ nghi vấn “怎么” và “怎么样”
	Về kỹ năng
CDR7	Người học có kỹ năng viết đoạn văn ngắn bày tỏ quan điểm, suy nghĩ của mình về một sự việc, một vấn đề.
CDR8	Có kỹ năng vận dụng nội dung bài học vào cuộc sống giao tiếp hàng ngày.
	Về thái độ (mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm)
CDR9	Sinh viên có thái độ nghiêm túc, chăm chỉ, có kỷ luật trong công việc.
CDR10	Sinh viên có tâm lý vững vàng để có thể tự tin trong công việc.

5. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tiếng trung 3 gồm 06 bài, từ bài 13 đến bài 18 trong giáo trình 《发展汉语-初级综合 I, 第二版》 với các chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày: Tôi đã dời nhà rồi, Tôi mua một chiếc áo len, Sinh viên đại học có thể đi làm thêm không, Tôi muốn tặng anh ta một món quà, Khả năng nói và nghe của tôi rất tốt, Tôi đã lên mạng 4 tiếng rồi.

Mỗi bài được thiết kế theo các phần như sau: bài khóa, từ, chú thích, luyện tập và ứng dụng, ngữ pháp, đọc sau đó thuật lại và viết chữ Hán....Các dạng bài tập đa dạng được thiết kế chủ yếu cho sinh viên làm việc theo cặp, nhóm, phát huy khả năng giao tiếp tích cực.

6. Nội dung chi tiết học phần:

第 13 课: 我已经搬家了

1. 副词: 又
2. 了 (1)
3. 怎么样

4. 怎么

第 14 课: 我买了一件毛衣

1. 了 (2)

2. 一.....就

3. 副词: 就

4. 代词: 这么

5. 副词: 还 (2)

第 15 课: 大学生可以打工吗?

1. 助动词: 要

2. 助动词: 可以 (1) (2)

3. 助动词: 能

4. 助动词: 会

第 16 课: 我想送他一件礼物

1. 双宾语

2. 助动词: 要 (2)

3. 副词: 还是

4. 助动词: 可以 (3)

第 17 课: 我口语和听力都很好

1. 副词 “才”

2. 主语谓语句

3. 形容词做壮语

第 18 课: 我上了两个小时的网

1. 时段表示法

2. 时量补语

3. 动词重叠

4. 用 “是不是” 提问的句子

7. Hình thức giảng dạy và phân bổ thời gian:

Bài	Tên bài	Số tiết tín chỉ					
		Tổng	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành	Khác (*)
13	我已经搬家了	5	2	3			
14	我买了一件毛衣	5	2	3			
15	大学生可以打工吗?	5	2	3			
16	我想送他一件礼物	5	2	3			
17	我口语和听力都很好	5	2	3			
18	我上了两个小时的网	5	2	3			

(*) Các hình thức tổ chức học tập khác như ngoại khóa, làm bài tập nhóm ...

Các chủ đề thảo luận (dự kiến)

1. 大学生可以打工吗?
2. 说一说你每天的日程表。
3. 说一说你目前的汉语水平。

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và Nội dung (các bài) của học phần

Chương	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8	CDR9	CDR10
1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
4	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
5	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
6	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1

Ghi chú: 1: Tương thích; 2: Tương thích một phần; 3: Không tương thích

8. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp thuyết trình, phương pháp động não, phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp tổ chức các hoạt động, phương pháp xử lý tình huống, phương pháp làm việc nhóm...

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham gia đầy đủ số tiết học theo quy định (tối thiểu là 80% số giờ)
- Thái độ học tập nghiêm túc, chủ động trong việc nghiên cứu tài liệu.
- Làm bài kiểm tra đúng hạn và thỏa mãn các nội dung giảng viên yêu cầu.
- Để tiếp thu kiến thức của một tín chỉ sinh viên phải dành thời gian ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

10. Tài liệu phục vụ cho học phần

10.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. 荣继华编著, 《发展汉语 (第二版) 初级综合 I》, 北京语言大学出版社, 2011.

10.2. Tài liệu tham khảo

- [1]. 杨寄洲主编, 《汉语教程》 (第一册), 北京语言大学出版社, 2009.
- [2]. 刘询主编, 《新实用汉语课本1 (课文册)》, 北京大学出版社, 2009.
- [3]. 刘询主编, 《新实用汉语课本1 (综合练习册)》, 北京大学出版社, 2009.

11. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang điểm 10 và thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành tại văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

12. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	<i>Chuyên cần, thái độ</i> - Tham gia trên lớp - Chuẩn bị bài - Tích cực thảo luận	Quan sát, điểm danh	5%
2	<i>Kiểm tra thường xuyên</i> - Nội dung bài kiểm tra TC1: 副词: 又、了 (1), 怎么样 (2) 怎么 (1), 了 (2), 一.....就, 副词: 就, 代词: 这么, 副词: 还 (2), 助词: 要 (1)、可以 (1) (2)、能、会 - Nội dung bài kiểm tra TC2: 双宾语, 助动词: 要 (2), 助动词: 可以 (3) 副词: 还是, 才 (1), 主谓谓语句, 形容词做状语, 怎么 (2), 时段表示法, 时量补语, 动词重叠, 用“是不是”提问的句子, 形容词重叠	- Bài kiểm tra viết - Bài kiểm tra viết	35%
3	<i>Thi kết thúc học phần</i>	Viết, trắc nghiệm	60%

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và Hình thức đánh giá

Hình thức đánh giá	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10
Quan sát, điểm danh	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
Kiểm tra viết	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1

Ghi chú: 1: Tương thích; 2: Tương thích một phần; 3: Không tương thích

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN

Lê Thị Như Thủy

Lại Thị Mỹ Hương

